1. **Danh mục ngành đúng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *Mã ngành* | *Ngành đào tạo bậc Đại học* |
| 1 | 7520202 | Thiết kế vi mạch |
| 2 | 7520207 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |

1. **Danh mục ngành phù hợp với ngành tuyển sinh được mô tả**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *STT* | *Mã ngành* | *Ngành đào tạo bậc Đại học* |
| 1 | 7520201 | Kỹ thuật điệnKỹ thuật Điện-Điện Tử chương trình tiên tiếnHệ Thống năng lượng, Chương trình Việt Pháp |
| 2 | 7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá |
| 3 | 7520212 | Kỹ thuật y sinh |
| 4 | 7520204 | Kỹ thuật ra đa- dẫn đường |
| 5 | 7520205 | Kỹ thuật thủy âm |
| 6 | 7520114 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 7 | 7480101 | Khoa học máy tính |
| 8 | 7480102 | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu |
| 9 | 7480103 | Kỹ thuật phần mềm |
| 10 | 7480104 | Hệ thống thông tin |
| 11 | 7480106 | Kỹ thuật máy tính |
| 12 | 7480201 | Công nghệ thông tin |
| 13 | 7480202 | An toàn thông tin |

1. **Học bổ sung kiến thức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Môn học chuyển đổi* | *Mã môn học* | *Tín chỉ* | *Số tiết* |
| 1 | Giải tích mạch | EE1011 | 4 | 75 |
| 2 | Vật lý bán dẫn | EE1007 | 3 | 60 |
| 3 | Mạch điện tử | EE2007 | 4 | 75 |
| 4 | Tín hiệu và hệ thống | EE2005 | 3 | 60 |
| 5 | Kỹ thuật số | EE1009 | 4 | 90 |
| 6 | Cơ sở kỹ thuật điện | EE2017 | 4 | 75 |
| 7 | Xử lý số tín hiệu | EE2015 | 3 | 60 |
| 8 | Cơ sở Điều khiển tự động | EE2019 | 3 | 60 |
| 9 | Vi xử lý | EE2013 | 4 | 75 |
| 10 | Cơ sở Điện tử công suất | EE2021 | 3 | 60 |
| 11 | Truyền số liệu và mạng | EE3019 | 3 | 60 |
| 12 | Trường Điện Từ | EE2003 | 3 | 60 |

Đối với các thí sinh tốt nghiệp bậc đại học có ngành đào tạo nằm ngoài danh mục các ngành phù hợp cần có phải học chuyển đổi kiến thức các môn sau trước khi dự thi. Các môn học chuyển đổi sẽ do hội đồng ngành xét cho từng trường hợp cụ thể, chi tiết như sau

Ngoài ra, đối với từng trường hợp cụ thể, Hội đồng ngành sẽ quyết định có hay không bổ sung thêm các môn học chuyển đổi kiến thức ngoài danh sách trên.